



## BẢN TIN THAN NGÀY

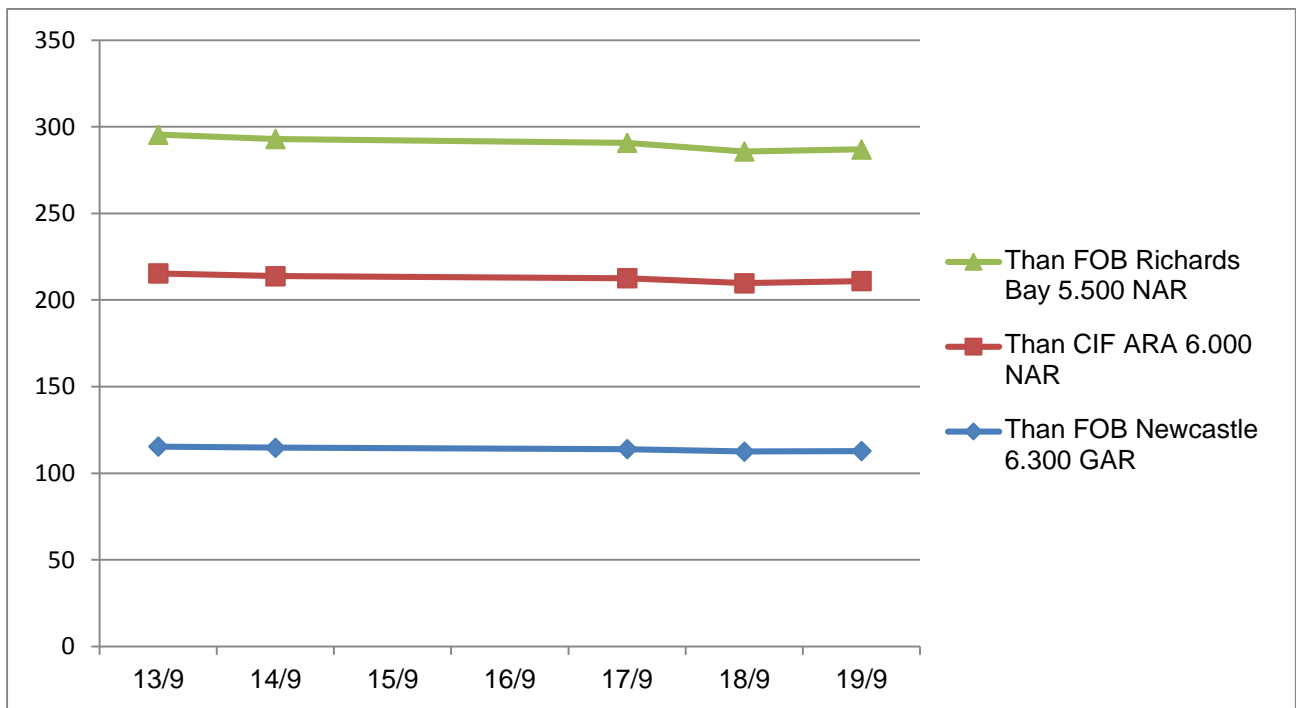
Ngày 21/09/2018

### CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	112,80	+0,30	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	98,10	+0,85	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	66,30	+0,30	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	72,75	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	52,50	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	47,85	+0,10	378,79	-0,07
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	61,90	+0,10	490,01	-0,31
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	77,50	+0,50	613,50	+2,57

### GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 19/09/2018)

## **DIỂM TIN**

### **Lượng than xuất khẩu của Indonesia trong tháng 7 đạt mức cao**

Indonesia đã xuất khẩu 28,37 triệu tấn than nhiệt trong tháng 7, tăng 10% so với tháng 6, tăng 62% so với cùng kỳ năm ngoái, và đạt mức cao nhất từ khi S&P Global Platts bắt đầu thống kê từ năm 2012, theo số liệu từ Hải quan phát hành hôm thứ 4 vừa qua. Trong đó 24,16 triệu tấn, tương đương 85% trong tổng lượng than xuất khẩu là than sub-bitum, còn lại là than bitum. Từ đầu năm nay, chính phủ Indonesia đã thông qua kế hoạch tăng sản lượng than thêm 5% do kỳ vọng giá than cao trong năm nay. Việc Indonesia tập trung xuất khẩu than trong năm 2018 càng được thể hiện rõ ràng khi tổng lượng than xuất khẩu từ tháng 1 đến tháng 7 đạt 173,57 triệu tấn, cao hơn 44,98 triệu tấn so với cùng kỳ năm trước. Ấn Độ tiếp tục là nước xuất khẩu than chính của Indonesia trong tháng 7, với mức 8,98 triệu tấn, tăng 23% so với tháng 6 và tăng 94% so với tháng 7 năm ngoái. Trong giai đoạn trước tháng 7, việc giá giao lẻ than Nam Phi cao kỷ lục đã khiến nhiều khách hàng Ấn Độ tìm kiếm thêm nguồn cung cấp than từ các quốc gia sản xuất khác, đặc biệt là từ Indonesia.

### **Các nước đang phát triển đóng góp quan trọng trong lượng than xuất khẩu của Indonesia trong tháng 7**

Lượng than Indonesia xuất khẩu trong tháng 7 sang các thị trường lớn nhất thế giới là Trung Quốc và Hàn Quốc đều giảm so với tháng 6. Khối lượng than xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 3,96 triệu tấn, giảm 18% so với tháng trước, nhưng tăng 57% so với năm ngoái, và lượng than xuất khẩu đến Hàn Quốc đạt 3,09 triệu tấn, giảm 8% so với tháng trước, nhưng tăng 82% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại xuất khẩu than sang Nhật Bản và Đài Loan tăng so với tháng 6. Nhật Bản đạt 1,96 triệu tấn, tăng 40% so với tháng 6 và 21% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó Đài Loan đạt 1,49 triệu tấn, tăng 8% so với tháng 6 và tăng 10% so với tháng 7 năm ngoái. Các nước đang phát triển khác tại Đông Nam Á, đặc biệt là Thái Lan, Malaysia và Philippines, cũng như Pakistan ở Nam Á, đã tăng cường mua than trong tháng 7. Tổng lượng than xuất khẩu sang các khu vực này là 8,9 triệu tấn, tăng 19% so với tháng 6 và tăng 56% so với tháng 7 năm trước.

### **Ấn Độ tăng cường mua than Newcastle độ tro cao**

Khách hàng Ấn Độ đã chuyển hướng sang than Úc sau khi giao dịch thành công hai chuyến hàng vận chuyển trong tháng 10 tới, loại than độ tro cao với giá 65 – 68,50 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle trong ngày thứ 4 vừa qua. Trong khi đó vào thứ 6 tuần trước, một đơn hàng than Úc nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR vận chuyển trong tháng 10 đã các công ty của Ấn Độ đặt mua với mức giá 65 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle. Một đơn hàng than Úc khác cũng có nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR đã được giao dịch thành công bởi các công ty Ấn Độ với giá 65,50 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle.

Giá cước vận chuyển tàu Panamax tuyến từ khu vực phía Đông Úc đến Ấn Độ đang ở mức 16 USD/tấn, suy ra giá than Úc 5.500 kcal/kg NAR bao gồm cả vận chuyển khoảng 81 USD/tấn, điều kiện CFR Ấn Độ. Giá sẽ rẻ hơn khoảng 9 – 10 USD/tấn so với giá 90 – 91 USD/tấn của loại than tương tự, điều kiện CFR Nam Phi, đã bao gồm giá cước vận chuyển tàu Panamax khoảng 14,50 USD/tấn từ Richards Bay đến khu vực bờ biển phía Đông của Ấn Độ. Một số khách hàng Ấn Độ đang hướng sự quan tâm đến than Úc độ tro cao, mặc dù thời gian vận chuyển lâu hơn so với than Nam Phi. Họ cũng tin rằng chênh lệch giá than Úc 5.500 kcal/kg NAR đến Ấn Độ sẽ tiếp tục duy trì ít nhất trong vài tháng tới. Trong khi đó, nhu cầu mua than của các công ty Trung Quốc đối với loại than Úc nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR vẫn ổn định ở mức 65 – 66 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle trong vài ngày gần đây. Hiện tại nhu cầu mua than của các công ty Trung Quốc sẽ chỉ rơi vào khoảng 65 USD/tấn, điều kiện FOB Newcastle đối với loại than nhiệt trị 5.500 kcal/kg NAR.

(Nguồn: [www.platts.com](http://www.platts.com))

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	9,15	+0,00
	Queensland	Nhật Bản	10,45	+0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	11,30	+0,00

<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	14,60	+0,20
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	10,75	+0,15
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,80	+0,20
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	9,05	+0,15
	Úc	Trung Quốc	14,40	+0,15
	Úc	Ấn Độ	16,25	+0,15

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 19/09/2018)